UBND TỈNH TRÀ VINH
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**
**NGÀNH NGÔN NGỮ KHMER**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**
**Mã số học phần: 170122**

## I. Thông tin về học phần

**Tên học phần**: **Ngữ dụng học**

**Tên Tiếng Anh**: **Pragmatics**

**Đơn vị phụ trách**: Bộ môn Sư phạm Ngữ văn và Ngôn ngữ Khmer
Khoa Ngôn ngữ - Văn hoá - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ

**Số tín chỉ**: 02 tín chỉ (01 tín chỉ lý thuyết; 01 tín chỉ thực hành)

**Phân bố thời gian:** 11 buổi (04 tiết/buổi)

**Học kỳ**: VI (năm thứ III)

**Các giảng viên phụ trách học phần:**

- GV phụ trách chính: **TS. Nguyễn Thị Huệ** *(SĐT:0908228281; Email: huetvu@tvu.edu.vn).*
- GV cùng tham gia giảng dạy: **ThS. Ngô Phú Hải** *(SĐT: 090609650; Email: nphai@tvu.edu.vn).*
- GV cùng tham gia giảng dạy: **TS. Lê Thị Thanh Tâm** ( *Email: ttttam@yahoo.com.vn).*

**Điều kiện tham gia học tập học phần:**

- Môn học tiên quyết: *Dẫn luận ngôn ngữ học*

**Học phần thuộc khối kiến thức** *(Đánh dấu ✓ vào ô được chọn)*

| Đại cương ☐ | | Chuyên nghiệp ☑ | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Bắt buộc ☐ | Tự chọn ☐ | Cơ sở ngành ☑ | | Chuyên ngành ☐ | | Tốt nghiệp ☐ | |
| | | Bắt buộc ☑ | Tự chọn ☐ | Bắt buộc ☐ | Tự chọn ☐ | Bắt buộc ☐ | Tự chọn ☐ |

**Ngôn ngữ giảng dạy**: Tiếng Việt ☑ Tiếng Khmer ☑ Tiếng Anh ☑

## II. Lần biên soạn/hiệu chỉnh

- Lần thử: 1
- Ngày hiệu chỉnh: …
- Lý do và nội dung hiệu chỉnh:

*(a) Thiết kế mới theo chương trình cải tiến AUN-QA (version 2017)*

*(b) Cập nhật đề cương môn học hàng năm theo Qui định của Trường Đại học Trà Vinh: cập nhật nội dung, PPGD tích cực và Rubric đánh giá.*

## III. Mô tả học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngữ dụng học: đối tượng, nhiệm vụ; lí

thuyết hành vi ngôn ngữ, lí thuyết hội thoại, lí thuyết lập luận. Bên cạnh đó, môn học còn gợi mở những hướng tiếp cận mang tính dụng học trong việc nghiên cứu tiếng Khmer.

**** Mục tiêu:***

- Vận dụng được hiểu biết về các khái niệm ngữ dụng để phân tích các phát ngôn, diễn ngôn.
- Phân tích được sự vi phạm các quy tắc dụng học của nhân vật, của tác giả trong ngữ cảnh.
- Biết cách dụng ngữ phù hợp với ngữ cảnh.

**** Kết quả học tập mong đợi:***

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra sau đây của chương trình đào tạo (CTĐT) theo mức độ sau: *(Bảng dưới đây là trích ngang của Matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho Chuẩn đầu ra (CĐR - ELOs) của CTĐT).*

- *Mức L: Mức độ học tập thấp trong phân loại Bloom's Taxonomy (Kiến thức và Hiểu biết)*
- *Mức M: Mức độ học tập trung bình trong phân loại Bloom's Taxonomy (Ứng dụng và Phân tích);*
- *Mức H: Mức độ học tập cao trong phân loại Bloom's Taxonomy (Đánh giá và Sáng tạo);*
- *Bỏ trống nếu không có đồng ý*

| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | ELO1 | ELO2 | ELO3 | ELO4 | ELO5 | ELO6 | ELO7 | ELO8 | ELO9 | ELO10 | ELO11 | ELO12 |
| 170122 | NDH | L | M | | M | H | M | L | L | M | | M | M |

| **Ký hiệu** | **Kết quả học tập mong đợi (KQHTMĐ) của học phần**<br>Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được: | **CĐR của CTĐT** |
|---|---|---|
| **Kiến thức** | | |
| CELO 1 | Nắm được đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu ngữ dụng học, phân biệt ngữ dụng học với ngữ pháp, ngữ nghĩa học, vị trí của ngữ dụng học trong khoa học ngôn ngữ và nền ngữ học đương đại. | ELO 1, 2, 4 |
| CELO 2 | Nắm được các quy tắc dụng ngữ: quy tắc chiếu vật, quy tắc thực hiện các hành động ngôn từ, quy tắc lập luận, quy tắc hội thoại. | ELO 1, 2, 4 |
| CELO 3 | Phân biệt được các loại ý nghĩa hàm ẩn và nắm được các cơ chế tạo hàm ý hội thoại. | ELO 1, 2, 4 |
| **Kĩ năng** | | |
| CELO 4 | Vận dụng được hiểu biết về các khái niệm ngữ dụng để phân tích các phát ngôn, diễn ngôn. | ELO 4 |
| CELO 5 | Phân tích được sự vi phạm các quy tắc dụng học của nhân vật, của tác giả trong ngữ cảnh. | ELO 4, 5, 6, 7, 8, 9 |
| CELO 6 | Biết cách dụng ngữ phù hợp với ngữ cảnh. | ELO 4, 5, 6, 7, 8, 9 |
| **Thái độ** | | |
| CELO 7 | Biết trân quý tư duy, óc sáng tạo của dân tộc qua các sản phẩm | ELO 5, 6, 7, 11 |

| | | |
|---|---|---|
| | ngôn từ văn học dân gian và văn học viết | |
| CELO 8 | Hình thành thói quen chủ động giải quyết vấn đề và học tập suốt đời | ELO 12 |

**V. Phương pháp giảng dạy và học tập**

**5.1. Phương pháp giảng dạy**

- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Powerpoint
- Nêu tình huống
- Cho thuyết trình, đóng vai

**5.2. Phương pháp học tập**

- Lắng nghe, trả lời câu hỏi
- Đọc tài liệu trước khi đến lớp, thảo luận, đặt câu hỏi

**VI. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Tham dự ít nhất 70% cho phần lí thuyết và 80% giờ thực hành.
- Đọc trước giáo trình và xem tài liệu video trên web.
- Tích cực tham gia đặt câu hỏi, trao đổi, cầu thị.

**VII. Đánh giá và cho điểm**

**7.1. Thang điểm**: 10

**7.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số**

- Đánh giá tham dự lớp tham (chiếm 10%)
- Đánh giá quá trình 02 lần (chiếm 40%) bao gồm 02 lần kiểm tra các bài tập.
- Đánh giá học phần: Thi tự luận (chiếm 50%)

**VIII. Nội dung học phần và hình thức đánh giá**

**8.1. Nội dung học phần:**

**- Nội dung cơ bản, cốt lõi tối thiểu (chiếm khoảng 80 % thời lượng giảng dạy):**

Bao gồm các nội dung: (i) Những vấn đề chung về Ngữ dụng học; (ii) Sự chiếu vật; (iii) Lý thuyết hành động ngôn từ; (iv) Lý thuyết lập luận; (v) Lý thuyết hội thoại; (vi) Ý nghĩa tường minh, ý nghĩa hàm ẩn

**- Nội dung cập nhật, giới thiệu thêm (chiếm khoảng 20% thời lượng giảng dạy):**

Kỹ năng đọc các kết quả nghiên cứu, các báo cáo khoa học, các công trình đã công bố bằng tiếng Khmer và tiếng Anh.

**8.2. Hình thức đánh giá:**

| Chương/chủ đề | CELOs | Hình thức đánh giá | Nội dung đánh giá |
|---|---|---|---|
| **Chủ đề 1: Những vấn đề chung về Ngữ dụng học** | 1, 2, 3 | - Kiểm tra quá trình Lần 1, | Phân tích sự chi phối của ngữ cảnh đối với việctạo lập |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | Lần 2<br>- Thi kết thúc môn: Tự luận | và giải mã diễn ngôn |
| **Chủ đề 2: Sự chiếu vật** | 2, 4 | | Xác định phương thức chiêu vật và nghĩa chiếu vật trong một số ngôn bản đồng thời phân tích nghệ thuật chiếu vật của tác giả |
| **Chủ đề 3: Lý thuyết hành động ngôn từ** | 2, 3, 4, 7 | | Xác định, phân tích nghệ thuật sử dụng hành động ngôn từ của một số phát ngôn nguyên cấp trong ngôn bản |
| **Chủ đề 4: Lý thuyết lập luận** | 2, 3, 4, 5 | | - Phân tích các thành tố lập luận và cấu trúc lập luận của một số diễn ngôn.<br>- Phân tích cơ sở lẽ thường của một số lập luận. |
| **Chủ đề 5: Lý thuyết hội thoại** | 2, 3, 4, 5, 6 | | Giải mã ý nghĩa của một số yếu tố kèm lời và phi lời trong hội thoại. |
| **Chủ đề 6: Ý nghĩa tường minh, ý nghĩa hàm ẩn** | 4, 5, 6, 7, 8 | | Thực hành phân tích tiền giả định. |

**Matrix đánh giá KQHTMĐ của học phần** *(Đánh dấu ✓ vào ô được chọn)*

| Các KQHTMĐ của HP | Tham dự lớp (10%) | KTQT 1 (20%) | KTQT 2 (20%) | Thi cuối kỳ (50 %) |
|---|---|---|---|---|
| CELO1 | X | X | X | X |
| CELO2 | X | X | X | X |
| CELO3 | X | X | X | X |
| CELO4 | X | X | X | X |
| CELO5 | X | X | X | X |
| CELO6 | X | X | X | X |
| CELO7 | X | X | X | X |
| CELO8 | X | X | X | X |

## IX. Nội dung chi tiết của học phần

| Tuần/ Buổi | Nội dung chi tiết | KQHTMĐ của HP (CELO) |
|---|---|---|
| **1** | **Chủ đề 1 Những vấn đề chung về Ngữ dụng học** | 1, 2, 3 |
| | *Sự ra đời của Ngữ dụng học* | |
| | *Đối tượng nhiệm vụ nghiên cứu của môn học* | |
| | *Điểm dị biệt giữa ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng* | |

| | | |
|---|---|---|
| | *Ngữ cảnh – Khái niệm nền tảng của môn học* | |
| **2, 3** | **Chủ đề 2 Sự chiếu vật** | 2, 4 |
| | *Khái niệm chiếu vật* | |
| | *Điều kiện chiếu vật* | |
| | *Các phương thức chiếu vật* | |
| | *Cơ sở xác định nghĩa chiếu vật của phát ngôn* | |
| **4, 5** | **Chủ đề 3 Lý thuyết hành động ngôn từ** | 2, 3, 4, 7 |
| | *Sự ra đời của lí thuyết hành động ngôn từ* | |
| | *Các loại hành động ngôn từ* | |
| | *Điều kiện sử dụng hành động ngôn từ (chân thực)* | |
| | *Phân loại hành động ngôn từ* | |
| | *Hành động ngôn từ trực tiếp và hành động ngôn từ gián tiếp* | |
| | *Cơ sở xác định hành động ngôn từ của phát ngôn* | |
| | *Những tồn tại của lí thuyết hành động ngôn từ* | |
| **6, 7** | **Chủ đề 4 Lý thuyết lập luận** | 2, 3, 4, 5 |
| | *Khái niệm lập luận* | |
| | *Bản chất của lập luận trong ngữ dụng* | |
| | *Các quan hệ lập luận và hiệu lực của lập luận* | |
| | *Tác tử lập luận và kết tử lâp luận* | |
| | *Lẽ thường - cơ sở của lập luận* | |
| **8, 9** | **Chủ đề 5 Lý thuyết hội thoại** | 2, 3, 4, 5, 6 |
| | *Khái niệm hôi thoại* | |
| | *Các vận động của hội thoại* | |
| | *Các quy tắc hội thoại* | |
| | *Thương lượng hội thoại* | |
| | *Các yếu tố kèm lời và phi lời trong hội thoại* | |
| **10, 11** | **Chủ đề 6 Ý nghĩa tường minh, ý nghĩa hàm ẩn** | 4, 5, 6, 7, 8 |
| | *Vấn đề quan niệm về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn* | |
| | *Khái niệm nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn* | |
| | *Khái niệm tiền giả định và hàm ý* | |
| | *Phân loại tiền giả định* | |
| | *Phân loại hàm ý* | |
| | *Cơ chế tạo hàm ý hội thoại* | |

**X. Tài liệu tham khảo**

**Tài liệu tiếng Việt**


1. Đỗ, H. C. (2007). *Đại Cương Ngôn Ngữ Học*. Tập 2: Ngữ dụng học.
2. Tiến, N. V. (2010). *Ngữ dụng học với việc dạy và học ngoại ngữ (Trên cứ liệu tiếng Pháp)*. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Ngoại ngữ, 26, 151-162.
3. Ngô, M. T. (2005). *Ngữ dụng học và giao tiếp ngôn ngữ*.
4. Đỗ, H. C. (2012). *Giáo trình ngữ dụng học*.


**Tiếng nước ngoài (nếu có)**

5. Horn, L. R., & Ward, G. L. (Eds.). (2004). *The handbook of pragmatics* (p. 3). Oxford: Blackwell.
6. Leech, G. N. (2016). *Principles of pragmatics*. Routledge.
7. Thomas, J. A. (2014). *Meaning in interaction: An introduction to pragmatics*. Routledge.
8. Birner, B. J. (2012). *Introduction to pragmatics* (Vol. 38). John Wiley & Sons.
9. Ariel, M. (2010). *Defining pragmatics*. Cambridge University Press.
10. O'Keeffe, A., Clancy, B., & Adolphs, S. (2019). *Introducing pragmatics in use*. Routledge.

**XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học, thực hành: phòng học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa

*Trà Vinh, ngày tháng năm 2021*

| TRƯỞNG KHOA | TRƯỞNG BỘ MÔN | GV BIÊN SOẠN |
|---|---|---|
| *(Kí và ghi rõ họ tên)* | *(Kí và ghi rõ họ tên)* | *(Kí và ghi rõ họ tên)* |

**PHỤ LỤC**

# PHIẾU ĐÁNH GIÁ

1. Họ và tên (giảng viên đánh giá): .....
2. Chức danh, học vị: Giảng viên
3. Đơn vị công tác: Khoa Ngôn ngữ - Văn hoá - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ
4. Họ và tên sinh viên thực hiện: .....
5. Môn học: Ngữ dụng học
6. Địa điểm thực hiện: Trường Đại học Trà Vinh
7. Thời gian đánh giá: Học kỳ … năm học …

## CÁC RUBRIC ĐÁNH GIÁ

### RUBRIC 1: ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

| **Tiêu chí** | **Trọng số (%)** | **Tốt 100%** | **Khá 75%** | **Trung bình 50%** | **Kém 0%** |
|---|---|---|---|---|---|
| **Thái độ tham dự** | 50 | Luôn chú ý và tham gia các hoạt động | Khá chú ý, có tham gia | Có chú ý, ít tham gia | Không chú ý/không tham gia |
| *Lời phê* | | | | | |
| **Thời gian tham dự** | 50 | Mỗi lần tham dự tính 0,5 điểm | | | |
| | | lần 1 lần 2 lần 3 lần 4 lần 5 lần 6 lần 7 lần 8 lần 9 lần 10 | | | |
| | | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | | | |
| *Lời phê* | | | | | |
| **Tổng** | | | | | |

### RUBRIC 2: ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH (LẦN 1, LẦN 2)

| **Tiêu chí** | **Thang điểm 10** | **Mức chất lượng** | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | **Tốt** | **Khá** | **TB** | **Kém** |
| | | *100%* | *75%* | *50%* | *0%* |
| **Nội dung kết quả** | 9 | Đúng | Chưa đúng kết quả nhưng phương pháp đúng | Chưa đúng kết quả nhưng phương pháp đúng 50% | Chưa đúng kết quá và chưa đúng phương pháp |
| *Lời phê* | | | | | |
| **Hình thức** | 1 | Mạch lạc, rõ ràng | Khá mạch lạc, rõ ràng | Tương đối rõ ràng | Thiếu rõ ràng |
| *Lời phê* | | | | | |
| **Tổng** | | | | | |

**RUBRIC 3: ĐÁNH GIÁ THI CUỐI KÌ**

| **Tiêu chí** | **Điểm số** | **Mức chất lượng** | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | **Tốt** | **Khá** | **Trung bình** | **Kém** |
| | **10** | *100%* | *75%* | *50%* | *0%* |
| Nội dung | 10 | Trả lời đúng tất cả nội dung | Trả lời thiếu tối đa 25% nội dung quan trọng | Trả lời thiếu tối đa 50% nội dung quan trọng | Trả lời thiếu nhiều hơn 50% nội dung quan trọng |
| Ý mới | 1 | Cộng tối đa 1 điểm cho những bài có nội dung trả lời mang tính mới so với đáp án nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác. Điểm tổng bài thi không quá 10 điểm | | | |